

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LƯƠNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:09/2023/DS-ST
Ngày 21/7/ 2023
“V/v Tranh chấp HĐVTS”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lương Đức Long**;

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Nguyễn Ngọc Ngự;
2- Ông Nông Văn Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Mạnh – Thư ký Tòa án;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tôn – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2022/TLST ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST – DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Xuân T – sinh năm 1980. Có mặt.

Địa chỉ: xóm A, xã Đ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Lã Thị T – sinh năm 1962. Có mặt.

Địa chỉ tại: Xóm G, xã Y, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đỗ Hồng T – sinh năm 1992. Vắng mặt.

2. Chị Trương Thị Lệ Q – sinh năm 1998. Vắng mặt.

Đều trú tại: Xóm G, xã Y, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

3. Chị Đỗ Thị N – sinh năm 1983. Vắng mặt.

Trú tại: Xóm Đ, xã Y, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

4. Chị Đỗ Thị P – sinh năm 1989. Vắng mặt.

Trú tại: Xóm M, xã M, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

5. Chị Đỗ Thị L – sinh năm 1985. Vắng mặt.

Trú tại: Cụm 9, Đan P Hà Nội II, Thành phố Hà Nội.

6. Chị Đặng Thị D – sinh năm 1977. Vắng mặt.

Trú tại: Xóm G, xã Y, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Hiện không rõ địa chỉ.

NỘI D VU ÁN:

Tại đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai nguyên đơn anh Vũ Xuân T trình bày: Vào ngày 30/8/2020 tôi có cho chị T có vay số tiền là 230.000.000 đồng. Khi vay hai bên thỏa thuận thời gian vay là 18 tháng. Đến ngày 30/2/2022 thì chị T phải thanh toán cho tôi số tiền trên. Về lãi suất hai bên thỏa thuận ngoài không ghi trong giấy vay tiền. Khi vay tiền chị T có tự tay viết giấy vay tiền và thế chấp cho tôi 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là sổ bìa rừng và sổ nhà, đất+ ruộng. Giấy vay tiền chị T cùng con trai và con dâu cùng ký. Đến hạn thanh toán chị T không thanh toán cho tôi số tiền trên nên tôi làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phú Lương giải quyết buộc chị Lã Thị T phải thanh toán cho tôi số tiền 230.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ khi vay cho đến nay.

Bị đơn chị Lã Thị T trình bày: Tôi có cho chị Đặng Thị D mượn 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đỗ Minh K và Lã Thị T để chị D vay tiền của anh T. Việc vay nợ giữa chị D và anh T như thế nào tôi không được biết. Đến tháng 7 năm 2020 chị D đã bỏ trốn đi đâu không rõ. Ngày 30/8/2020 anh T đến nhà tôi bắt ép tôi phải trả số tiền trên. Do hoảng loạn và muốn lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về nên tôi có ký vào giấy vay tiền ngày 30/8/2020. Tôi thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền ngày 30/8/2020 là chữ ký và chữ viết của tôi. Việc con trai và con dâu tôi ký vào giấy vay tiền chỉ là người làm chứng chứ không liên quan gì đến việc vay nợ. Nay anh T yêu cầu tôi thanh toán số tiền 230.000.000 đồng và chịu lãi suất tôi không nhất trí vì tôi không được cầm tiền.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Anh Đỗ Hồng T trình bày, năm 2020 mẹ tôi có cho chị Đặng Thị D mượn 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền của anh Vũ Xuân T, trong quá trình vay mượn anh hoàn toàn không biết gì về việc chị D và T vay mượn như thế nào. Vì vậy anh không liên quan gì đến việc vay nợ này. Đến khi chị D bỏ trốn, anh T đã sang và đề nghị mẹ tôi viết giấy nhận nợ. Khi đó tôi ở nhà và cùng ký vào cho mẹ tôi yên tâm. Tôi thừa nhận chữ ký trong giấy nhận nợ đó là của tôi.

- Chị Trương Thị Lệ Q trình bày ý kiến quan điểm như của anh Đỗ Hồng T, chị

xác định không liên quan gì đến việc vay nợ của anh T. Chị cũng xác định có ký vào giấy vay tiền ngày 30/08/2022.

- Chị Đỗ Thị N, Đỗ Thị L và Đỗ Thị P đều trình bày thời gian gần đây các chị được biết mẹ chị có cho chị D mượn 02 quyển sổ để vay tiền của anh T, đến khi chị D bỏ trốn thì các chị được mẹ gọi về nói và cho biết cụ thể, đến lúc đó các chị mới biết việc làm của mẹ.

Sau khi thụ lý điều tra thu thập tài liệu chứng cứ và tiến hành công khai tiếp cận chứng cứ anh T xuất trình Giấy vay tiền đề ngày 30/8/2020 có chữ ký và chữ viết của chị Lã Thị T, anh Đỗ Hồng Thái, chị Trương Thị Lệ Quyên và chị Đỗ Thị Nhung và 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lã Thị T và Đỗ Minh Khôi bản Pho tô chứng thực. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, nên phải đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay.

Tại phiên tòa các bên vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Tòa án. Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của các đương sự là đúng của pháp luật. Về nội D đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Lã Thị T phải trả cho anh Vũ Xuân T số tiền gốc là 230.000.000 đồng và chịu lãi suất theo quy định của pháp luật. Buộc anh T trả cho chị T 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị T phải chịu án phí sung công.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và các đương sự đều cư trú tại huyện Phú Lương, Thái Nguyên. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương theo quy định tại khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội D tranh chấp:

2.1. Đây là vụ án về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Theo giấy vay tiền đề ngày 30/8/2020 thì đây là hợp đồng vay tài sản được lập thành vay bản và là hợp đồng vay tài sản có thời hạn vay là 18 tháng và không có lãi suất. Trong hợp đồng có thể chấp tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét các chứng cứ của anh Vũ Xuân T cung cấp Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo hợp đồng thì đến ngày 30/02/2022 chị Lã Thị T phải có trách nhiệm thanh toán cho anh Vũ Xuân T số tiền vay là 230.000.000 đồng. Nhưng đến thời hạn thanh toán chị T đã

không thanh toán số tiền trên là vi phạm hợp đồng. Nay anh T yêu cầu chị T thanh toán số tiền gốc là 230.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận. Về lãi suất trong hợp đồng không quy định, căn cứ vào Điều 468, 357 của Bộ luật dân sự thì chị T phải chịu lãi suất 10%/năm đối với số tiền vay. Cụ thể đến ngày 29/5/2023 là 17 tháng x 10%/năm x 230.000.000 đ = 32.583.000 đồng. Do vậy cần buộc chị Lã Thị T phải trả cho anh Vũ Xuân Tình số tiền gốc là 230.000.000 đồng và 32.583.000 đồng tiền lãi.

Về việc thế chấp tài sản là 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 345769 và số CS 524720 . hai bên không làm thủ tục thế chấp theo quy định của pháp luật nên phạm thế chấp trong hợp đồng là vô hiệu. Cần buộc anh Vũ Xuân T trả lại cho chị Lã Thị T 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 345769 và số CS 524720.

2.2. Xét lời khai của chị Lã Thị T cho rằng việc chị ký giấy vay tiền nhưng chị không được nhận tiền mà người nhận tiền là chị Đặng Thị D là không có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ trong giấy vay tiền không có nội D vay hộ hay bị ép buộc ký nhận vay tiền. Mặt khác chị thừa nhận chữ ký, chữ viết tại giấy vay tiền là chữ ký, chữ viết của chị. Do đó lời khai của chị không có cơ sở chấp nhận. Còn việc chị cho chị D vay tiền như thế nào, chị có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Trong vụ án này chị T phải chịu án phí sung công quỹ Nhà nước. Hoàn trả anh T số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; 466; 468; 470 và 357 của BLDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Vũ Xuân T. Buộc chị Lã Thị T phải trả cho anh Vũ Xuân T số tiền gốc là 230.000.000 đồng và 32.583.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng 262.583.000 đồng (Hai trăm sáu mươi hai triệu năm trăm tám mươi ba nghìn đồng). Buộc anh Vũ Xuân T trả cho chị Lã Thị T 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy gốc) số BB 345769 và số CS 524720.

2. Án phí: Buộc chị Lã Thị T phải chịu 13.129.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước. Hoàn trả anh Vũ Xuân T 5.750.000 đồng tạm ứng án phí theo BL số 0003495 ngày 03/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện phú Lương.

Kể từ ngày người có quyền được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bên đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phú Lương;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; VP, TK, TP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lương Đức Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Đức Long

